Tổng quan

Thứ ba, ngày 18 tháng 6 năm 2019

Vietnam Daily Review

Thanh khoản thấp

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 19/6/2019		•	
Tuần 17/6-21/6/2019		•	
Tháng 6/2019		•	

Điểm nhấn

• VN-Index giảm trong phiên sáng. Trong phiên chiều, đà giảm được thu hẹp.
• Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm VCB (+1.22 điểm); HPG (+0.38 điểm); HVN (+0.13 điểm); MWG (+0.07 điểm); CII (+0.05 điểm).
• Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm TCB (-0.52 điểm); MSN (-0.52 điểm); VIC (-0.5 điểm); VNM (-0.36 điểm); VRE (-0.35 điểm).
• Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên đạt 2,478.4 tỷ đồng. Biên độ dao động trong phiên là 8.35 điểm. Thị trường có 112 mã tăng và 174 mã giảm.
• Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index giảm 2.94 điểm, đóng cửa tại 944.01 điểm. Cùng lúc đó, HNX-Index tăng 0.25 điểm lên 103.75 điểm.
• Khối ngoại hôm nay đã mua ròng 16.49 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã VNM (29.25 tỷ), POW (26.22 tỷ) và HPG (22.22 tỷ). Bên cạnh đó, họ đã bán ròng 1.82 tỷ đồng trên sàn HNX.

Nhận định thị trường

Trong phiên sáng, chỉ số VN-Index giảm điểm do lực bán tập trung ở các cổ phiếu bluechips như VHM, VIC, VRE. Trong phiên chiều, đà giảm được thu hẹp và đóng cửa ở mức 944.01 điểm do lực mua tiếp tục tăng ở các cổ phiếu VCB, HPG cùng với việc VHM, SAB quay về mốc tham chiếu. Khối ngoại tiếp tục mua ròng trên sàn HOSE trong khi thanh khoản thấp cho thấy nhà đầu tư đang chờ đợi những thông tin chính thức từ cuộc họp của Fed. Theo quan điểm của BSC, thị trường tiếp tục có phiên điều chỉnh do biến động trong tuần ETF cơ cấu danh mục tuy nhiên vẫn trên mốc 940 điểm.

Phân tích kỹ thuật:

NTL_Tích lũy ngắn hạn

(Vui lòng tải và xem trang 2)

BSC RESEARCH

Trưởng phòng
Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường
Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn
Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn
Đặng Quang
quangd@bsc.com.vn

VN-INDEX	**944.01**
Giá trị: 2478.43 tỷ	-2.94 (-0.31%)
Khối ngoại (ròng): 16.49 tỷ	

HNX-INDEX	**103.75**
Giá trị: 218.44 tỷ	0.25 (0.24%)
Khối ngoại (ròng): -1.82 tỷ	

UPCOM-INDEX	**54.67**
Giá trị: 302.56 tỷ	-0.3 (-0.55%)
Khối ngoại(ròng): 3.66 tỷ	

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	51.7	-0.44%
Giá vàng	1,345	0.40%
Tỷ giá USD/VND	23,340	-0.04%
Tỷ giá EUR/VND	26,211	0.05%
Tỷ giá JPY/VND	21,546	0.15%
LS liên NH 1 tháng	3.5%	6.12%
LS TPCP 5 năm	3.9%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	29.2	VHM	44.6
POW	26.2	YEG	20.1
HPG	22.2	EIB	18.0
BVH	20.6	NVL	9.0
VIC	9.7	CTG	8.1

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường	Trang 1
Phân tích kỹ thuật	Trang 2
Cổ phiếu lớn	Trang 3
Thống kê thị trường	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
iBroker	Trang 6
iINVEST	Trang 7
Khuyến cáo sử dụng	Trang 8

Cập nhật cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

Mã	Thanh khoản (tr $)	Đóng cửa (nghìn)	Hỗ trợ (nghìn)	Kháng cự (nghìn)	Trạng thái	Ghi chú
N/A	#N/A	#N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
N/A	#N/A	#N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
N/A	#N/A	#N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
N/A	#N/A	#N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
N/A	#N/A	#N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
N/A	#N/A	#N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
N/A	#N/A	#N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
N/A	#N/A	#N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
N/A	#N/A	#N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
N/A	#N/A	#N/A	N/A	N/A	N/A	N/A

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

Hình 1

HSX-Index Intraday

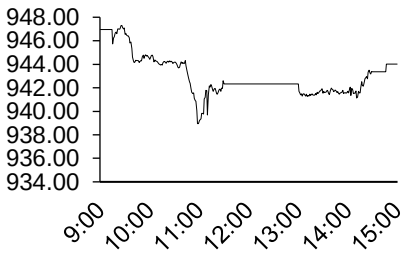

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Phân tích kỹ thuật

NTL_Tích lũy ngắn hạn

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: tích lũy trong ngắn hạn và giữ đà tăng trong trung hạn
- Chỉ báo xu hướng MACD: Vận động đi ngang, ở trên đường trung tâm và dưới đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: trong vùng trung tính
- Đường MA: Các đường MA tiếp tục xu hướng tăng trừ MA 20 giảm.

Nhận định: Cổ phiếu NTL đang vận động trong kênh giá 21.9 – 23.2. Chỉ báo RSI nằm trong vùng trung tính ủng hộ trạng thái tích lũy ngắn hạn. Chỉ báo MACD tiếp tục cho thấy vùng giá của NTL sẽ có khả tăng tiếp tục tích lũy giá quanh mốc 22.50 ở các phiên tiếp theo. Vận động của tất cả các đường MA tiếp tục hướng lên trừ MA 20 giảm và thanh khoản giảm nhẹ. Do vậy NTL sẽ tiếp tục xu hướng tích lũy ngắn hạn và giữ đà tăng trong trung hạn. Ngưỡng kháng cự của NTL là 24.9 và 25.3 và ngưỡng hỗ trợ tại 22.5 và 23.4. Có thể mở vị thế ngắn hạn trong vùng giá 22 - 23, chốt lời vùng giá 23.5 – 25.9 và cắt lỗ nếu NTL mất mốc 21.6.

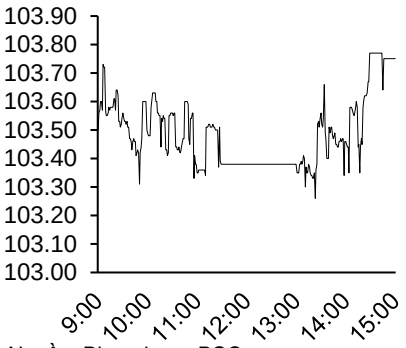

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Hợp đồng tương lai

Ticker	Đóng	± Ngày	± KLGD
VN30F1906	851.6	-0.3%	-14.9%
VN30F1907	859.8	0.2%	86.2%
VN30F1909	863.0	0.1%	-15.9%
VN30F1912	866.7	0.7%	22.5%

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
HPG	23	2.7	1.4
VCB	70	1.6	0.5
MWG	88	0.6	0.2
CII	23	2.5	0.1
EIB	19	0.3	0.1

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
TCB	20	-2	-1.6
MSN	82	-2	-1.0
VJC	118	-2	-0.7
STB	11	-2	-0.6
HDB	26	-2	-0.5

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	88.3	0.6%	0.7	1,700	1.6	7,159	12.3	3.9	49.0%	36.0%
PNJ	Bán lẻ	71.5	-1.0%	1.0	692	1.4	4,802	14.9	3.9	49.0%	29.1%
BVH	Bảo hiểm	80.5	0.0%	1.3	2,453	1.3	1,622	49.6	3.7	25.3%	7.7%
PVI	Bảo hiểm	35.8	0.0%	0.7	360	0.1	2,459	14.6	1.2	51.2%	8.1%
VIC	Bất động sản	114.0	-0.4%	1.1	16,584	2.2	1,303	87.5	6.4	15.0%	8.9%
VRE	Bất động sản	33.5	-1.5%	1.1	3,392	2.2	1,033	32.4	2.7	32.3%	8.8%
NVL	Bất động sản	56.8	-1.7%	0.8	2,298	1.3	3,686	15.4	2.7	7.1%	20.8%
REE	Bất động sản	31.6	0.2%	1.1	426	0.5	5,659	5.6	1.1	49.0%	20.6%
DXG	Bất động sản	18.0	0.6%	1.4	274	0.4	3,364	5.4	1.2	47.4%	25.1%
SSI	Chứng khoán	24.5	-0.6%	1.3	541	1.0	2,169	11.3	1.3	58.6%	11.9%
VCI	Chứng khoán	32.9	0.3%	1.0	233	0.3	5,067	6.5	1.5	37.3%	24.7%
HCM	Chứng khoán	22.8	-0.4%	1.5	302	0.3	2,009	11.3	1.0	56.2%	14.1%
FPT	Công nghệ	44.1	0.0%	0.9	1,299	1.5	4,061	10.8	2.3	49.0%	21.9%
FOX	Công nghệ	42.0	0.0%	0.4	454	0.0	3,778	11.1	2.8	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	101.5	-0.4%	1.5	8,446	0.7	6,092	16.7	4.4	3.6%	27.0%
PLX	Dầu khí	61.0	-0.5%	1.5	3,105	0.6	3,412	17.9	3.2	11.6%	18.2%
PVS	Dầu khí	22.2	0.9%	1.7	461	1.3	2,433	9.1	0.9	24.5%	10.1%
BSR	Dầu khí	12.8	-1.5%	0.8	1,725	0.9	1,163	11.0	1.3	41.1%	11.0%
DHG	Dược	101.5	-2.7%	0.5	577	0.2	4,199	24.2	4.4	54.1%	19.0%
DPM	Hóa chất	16.6	0.3%	0.7	282	0.1	1,289	12.8	0.8	22.6%	7.2%
DCM	Hóa chất	8.2	-0.5%	0.7	189	0.0	978	8.4	0.7	2.7%	8.4%
VCB	Ngân hàng	70.3	1.6%	1.3	11,336	2.9	4,367	16.1	3.6	23.8%	24.5%
BID	Ngân hàng	32.0	-0.3%	1.5	4,756	0.4	2,150	14.9	2.0	3.1%	14.5%
CTG	Ngân hàng	20.3	-1.0%	1.6	3,278	1.6	1,481	13.7	1.1	30.0%	8.1%
VPB	Ngân hàng	18.5	-0.8%	1.2	1,971	2.2	2,705	6.8	1.3	23.2%	19.7%
MBB	Ngân hàng	20.6	-0.5%	1.2	1,893	0.7	2,994	6.9	1.3	20.0%	20.2%
ACB	Ngân hàng	28.9	0.7%	1.1	1,567	1.0	4,297	6.7	1.6	34.3%	27.1%
BMP	Nhựa	42.5	-2.7%	0.9	151	0.1	5,279	8.1	1.4	74.4%	17.0%
NTP	Nhựa	34.9	0.3%	0.3	135	0.0	4,066	8.6	1.3	21.2%	16.3%
MSR	Tài nguyên	19.2	0.5%	1.2	751	0.1	732	26.2	1.4	2.0%	5.6%
HPG	Thép	23.1	2.7%	1.0	2,767	5.0	2,956	7.8	1.5	39.2%	21.4%
HSG	Thép	7.7	0.3%	1.5	142	0.6	251	30.7	0.6	17.0%	1.8%
VNM	Tiêu dùng	123.0	-0.6%	0.8	9,313	5.6	5,349	23.0	7.6	59.2%	34.4%
SAB	Tiêu dùng	273.0	0.0%	0.8	7,612	0.1	6,479	42.1	10.8	63.4%	28.0%
MSN	Tiêu dùng	82.0	-1.8%	1.2	4,147	1.7	4,545	18.0	3.2	40.5%	22.0%
SBT	Tiêu dùng	17.2	0.0%	0.6	393	1.0	752	22.9	1.5	9.6%	6.1%
ACV	Vận tải	84.0	0.1%	0.8	7,951	0.7	2,630	31.9	6.0	3.6%	19.7%
VJC	Vận tải	118.0	-1.6%	1.1	2,779	1.9	9,850	12.0	4.6	19.8%	43.3%
HVN	Vận tải	42.5	0.7%	1.7	2,621	0.6	1,747	24.3	3.3	9.9%	13.4%
GMD	Vận tải	25.9	-0.2%	0.8	334	0.3	2,245	11.5	1.3	49.0%	11.3%
PVT	Vận tải	16.4	0.0%	0.7	200	0.0	2,387	6.9	1.2	32.7%	17.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	60.8	-0.8%	0.9	414	0.1	6,806	8.9	3.2	2.5%	43.4%
VGC	Vật liệu xây dựng	20.2	1.0%	0.8	394	0.5	1,385	14.6	1.4	12.1%	9.7%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.8	0.0%	0.8	261	0.0	1,744	9.0	1.1	6.3%	12.6%
CTD	Xây dựng	96.8	-2.3%	0.8	321	0.4	17,122	5.7	0.9	46.0%	16.9%
VCG	Xây dựng	27.8	-1.1%	1.2	534	0.4	1,106	25.1	1.9	0.0%	8.3%
CII	Xây dựng	23.0	2.4%	0.5	248	0.4	337	68.3	1.1	53.5%	1.7%
POW	Điện	15.8	-0.9%	0.6	1,609	2.2	820	19.3	1.5	14.8%	7.8%
NT2	Điện	27.0	0.6%	0.6	338	0.3	2,446	11.0	2.0	22.8%	15.5%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	70.30	1.59	1.22	958120.00
HPG	23.05	2.67	0.38	5.06MLN
HVN	42.50	0.71	0.13	309680.00
MWG	88.30	0.57	0.07	409820.00
CII	23.00	2.45	0.05	424040.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	28.90	0.70	0.26	768400.00
NDN	16.20	9.46	0.06	2.76MLN
PVS	22.20	0.91	0.05	1.32MLN
VGS	9.30	6.90	0.02	2100.00
S99	8.90	4.71	0.02	2000.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TCB	20.30	-2.40	-0.52	3.17MLN
MSN	82.00	-1.80	-0.52	471770.00
VIC	114.00	-0.44	-0.50	433860.00
VNM	123.00	-0.57	-0.36	1.04MLN
VRE	33.50	-1.47	-0.35	1.49MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
OCH	8.40	-9.68	-0.09	400.00
NVB	8.00	-1.23	-0.03	331900.00
HUT	2.70	-3.57	-0.02	1.46MLN
VCG	27.80	-1.07	-0.02	324900.00
PLC	14.60	-5.81	-0.02	9100.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ABT	42.10	6.72	0.01	10.00
HVX	2.90	6.62	0.00	1000.00
PJT	12.75	6.25	0.00	20.00
RIC	7.48	5.95	0.00	600.00
TCT	57.00	5.75	0.01	4570.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HKB	0.80	14.29	0.01	311700.00
NFC	5.50	10.00	0.00	100.00
PJC	33.00	10.00	0.01	100.00
SDC	15.40	10.00	0.00	100.00
C69	13.60	9.68	0.01	22800.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DTA	5.68	-6.89	0.00	9360.00
TSC	1.49	-6.88	-0.01	163770.00
UDC	4.88	-6.87	0.00	5820.00
HTL	18.35	-6.85	-0.01	40.00
TMT	8.20	-6.82	-0.01	207500.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BED	45.90	-10.00	0.00	100.00
HLY	29.70	-10.00	0.00	200.00
STP	7.20	-10.00	-0.01	100.00
KSD	6.40	-9.86	0.00	700.00
VC1	15.60	-9.83	-0.01	300.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại

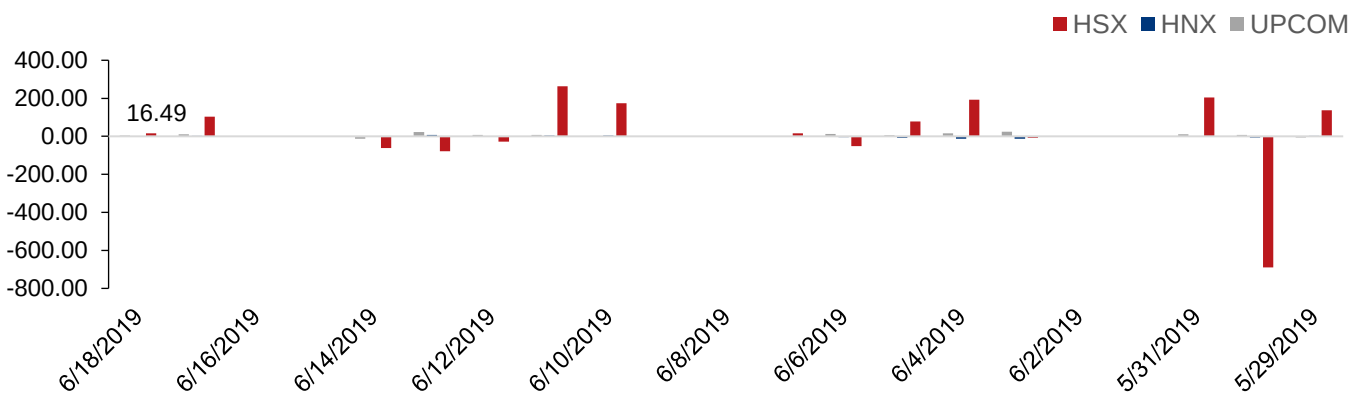

Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 04.2019_Hồi phục từ	Phân tích vĩ mô		Click	
2	Vĩ Mô &Thị Trường Quý I.2019_Nhiều thông tin	Phân tích vĩ mô		Click	
3	BSC_Báo cáo Tổng kết KQKD 2018	Phân tích ngành		Click	
4	2019M2_Biến động giằng co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click	
5	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click	
6	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click	
7	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click	
8	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click	
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click	
10	VM_M11_Giao dịch giằng co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click	
11	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click	
12	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click	
13	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
14	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click	
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click	
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click	
17	Vĩ mô_Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click	
18	Vĩ mô 2018M6_Ẩn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click	
19	Vĩ mô 2018M5_Phục hồi từ hoạt động đầu tư cơ	Phân tích vĩ mô		Click	
20	tin_20180503	Phân tích vĩ mô		Click	

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	DXG	Bất động sản	Mua	22/03/2019	22.5	30.5	18.0	3,364	5.4	1.2	Click	
2	CTD	Xây dựng	Theo dõi	22/03/2019	142.0	153.6	96.8	17,122	5.7	0.9	Click	
3	CSV	Hóa chất	Theo dõi	21/03/2019	32.3	36.6	28.2	5,748	4.9	1.4	Click	
4	PVT	Vận tải	Theo dõi	21/03/2019	17.9	19.2	16.4	2,387	6.9	1.2	Click	
5	ACB	Ngân hàng	Theo dõi	7/3/2019	30.4	32.7	28.9	4,297	6.7	1.6	Click	
6	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	7/3/2019	26.8	31.2	20.3	2,430	8.4	1.3	Click	
7	GMD	Cảng biển	Theo dõi	7/3/2019	27.8	29.1	25.9	2,245	11.5	1.3	Click	
8	SBT	Mía đường	Theo dõi	1/3/2019	19.8	21.2	17.2	752	22.9	1.5	Click	
9	PHR	Cao su	Theo dõi	6/3/2019	44.6	44.5	56.0	4,852	11.5	2.8	Click	
10	MSN	Thực phẩm	Theo dõi	4/3/2019	89.5	91.0	82.0	4,545	18.0	3.2	Click	
11	DGW	Công nghệ	Mua	27/3/2019	23.1	27.4	20.9	2,862	7.3	1.1	Click	
12	HDG	Bất động sản	Mua	8/4/2019	42.5	58.0	30.9	6,952	4.4	1.8	Click	
13	HT1	Xây dựng	Mua	4/4/2019	16.2	18.4	15.8	1,744	9.0	1.1	Click	
14	PVI	Bảo hiểm	Mua	25/03/2019	36.0	41.7	35.8	2,459	14.6	1.2	Click	
15	HBC	Xây dựng	Theo dõi	29/3/2019	18.5	20.1	15.3	2,807	5.4	1.1	Click	
16	FPT	Công nghệ	Mua	25/04/2019	48.6	59.1	44.1	4,061	10.8	2.3	Click	
17	BCC	Xi măng	Mua	16/05/2019	9.1	11.2	7.9	1,113	7.1	0.5	Click	
18	VHC	Thủy sản	Mua	14/05/2019	91.5	108.6	85.0	17,884	4.8	1.8	Click	
19	DRC	Cao su	Theo dõi	14/05/2019	22.3	25.2	18.3	1,154	15.8	1.4	Click	
20	TNG	Dệt may	Theo dõi	08/05/2019	20.8	21.0	18.7	3,307	5.7	1.3	Click	

BSC iBROKER

TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.

Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị tường; tra cứu tin tức báo chí,...

Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.

Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.

Sử dụng iBroker tại đây	Link	***Hướng dẫn sử dụng***	Link
Bản công bố rủi ro	Link	***Video hướng dẫn sử dụng***	Link

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
VHC 2019Q2	16/5/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 108552; Giá tại Publish 91500, EPS 14193; PE 6.3. Giữ nguyên dự báo DT đạt mức 10,217 tỷ (+8% YoY) và LNST đạt 1,315 tỷ (-9.4% YoY) do do (1) Sản lượng tăng 10% (2) Giá bán giảm 5%. Biên LNG dự kiến đạt 19.8%. EPS dự phóng 2019 đạt 14,193 VND/cp.
Express TRA 2019Q2	23/5/2019	Nhà máy Traphaco Hưng Yên: (1) Vốn đầu tư: 500 tỷ (2) Năm hoàn thành: 2017 (3) Bao gồm 3 phân xưởng: Phân xưởng Thuốc nước: dây chuyền thuốc nước uống + dây chuyền thuốc nước dùng ngoài (Nước súc miệng TB): Công suất: 20 triệu đvsp/năm; Công nghệ: khâu pha chế (Việt Nam) + khâu đóng gói (Thái Lan + Trung Quốc). Phân xưởng Thuốc viên – mỡ: (1) Dây chuyền thuốc viên: công suất: 500 triệu đvsp/năm (2) Dây chuyền thuốc mỡ, cream: công suất: 20 triệu đvsp/năm (3) Công nghệ: khâu pha chế (Việt Nam) + khâu đóng gói (Đài Loan)
Express ANV 2019Q2	17/5/2019	Năm 2019, công ty đặt KH DT và LNST lần lượt là 5,000 tỷ (+21.4% YoY) và 700 tỷ (+15.8% YoY). Công ty dự kiến phát hành 30 triệu cổ phiếu vào năm 2020 để đầu tư vùng nuôi Bình Phú. Kết thúc năm 2018, ANV ghi nhận DT và LNST lần lượt đạt 4,118 tỷ (+40% YoY) và 604.2 tỷ (+320% YoY). Cơ cấu DT là: 84% cá tra fillet, 10% thức ăn thủy sản, 4.5% phụ phẩm. Cơ cấu thị trường xuất khẩu: Trung Quốc (20%), Brazil (17%), Thái Lan (14%), EU (13%), Colombia (10%), Mexico (9%).
Express PHR 2019Q2	16/5/2019	Khuyến nghị NẮM GIỮ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 59800, EPS 4660; PE 10; PB 2.97. Kinh doanh mủ cao su:•Sản lượng tiêu thụ quý 1/2019 là 6,649.12 tấn mủ thành phẩm (+86% yoy), giá bán bình quân 32 triệu đồng/tấn (-12% yoy). Doanh thu thành phẩm đạt 213.2 tỷ đồng (+11% yoy).

• BSC i-Invest là nền tảng giao dịch trực tuyến kiểu mới dành cho khách hàng của BSC. Khác với phương thức quen thuộc là đặt lệnh theo từng mã cổ phiếu, i-Invest sử dụng phương thức quản lý và thực hiện mua bán theo danh mục đầu tư. Dựa vào nhu cầu, đặc điểm, mức độ ưa thích rủi ro của khách hàng, hệ thống i-Invest ngay lập tức đưa ra danh mục đầu tư phù hợp với kỳ vọng lợi nhuận tốt nhất cho khách hàng.

Sử dụng i-Invest tại đây	Link	***Hướng dẫn sử dụng***	Link
Bản công bố rủi ro	Link	***Video hướng dẫn sử dụng***	Link

Báo cáo cập nhật danh mục trên i-Invest

Danh mục	Hiệu suất danh mục							
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
Chủ đề	Bảng bao gồm 4 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Xây dựng & Vật liệu XD	0.70%	-1.11%	-3.79%	-5.19%	-2.53%	-11.31%	15.83%	195.36%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.11%	-1.58%	-2.15%	-4.75%	1.42%	-1.39%	50.81%	184.09%
Nước & Năng lượng	-0.12%	-1.44%	-0.86%	-0.68%	12.71%	23.84%	60.90%	124.83%
Chiến tranh thương mại	-0.13%	-2.52%	-0.08%	-2.67%	4.96%	12.95%	26.58%	157.28%
BĐS & Khu công nghiệp	-0.46%	-2.67%	-1.96%	-6.13%	-2.20%	-1.95%	45.97%	109.60%
Hàng tiêu dùng	-0.82%	-3.86%	-4.20%	-3.24%	6.44%	2.66%	61.61%	223.22%
*** Note**	Danh mục Xây dựng & Vật liệu xây dựng có mức hiệu suất ngày đi ngược với xu hướng thị trường. Danh mục có hiệu suất kém nhất ngày là Hàng tiêu dùng với mức giảm là -0.82%, tuy nhiên, các cổ phiếu trong danh mục Hàng tiêu dùng đều có triển vọng kinh doanh tốt.							
Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 1	0.01%	-2.35%	-3.93%	-6.22%	-0.42%	-4.24%	65.69%	138.23%
Danh mục 16	-0.04%	-1.79%	-2.59%	-5.71%	2.05%	-0.05%	72.58%	168.51%
Danh mục 8	-0.12%	-1.04%	-0.96%	0.72%	7.84%	5.47%	56.71%	107.67%
Danh mục 18	-0.86%	-5.14%	-7.15%	-6.01%	8.88%	9.09%	114.42%	246.87%
Danh mục 4	-0.97%	-3.36%	-3.91%	-9.23%	-8.50%	-10.56%	24.97%	95.76%
*** Note**								
Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 24	0.15%	-1.29%	-2.12%	-3.92%	4.62%	2.49%	66.27%	194.76%
Danh mục 20	-0.01%	-1.28%	-1.78%	-5.72%	2.26%	8.04%	23.69%	180.28%
Danh mục 23	-0.06%	-3.31%	-4.42%	-7.85%	1.21%	3.49%	105.13%	207.47%
Danh mục 22	-0.28%	-1.81%	-2.73%	-5.45%	1.53%	-5.14%	62.40%	166.10%
Danh mục 21	-1.20%	-2.99%	-4.91%	-4.16%	0.31%	-4.71%	34.54%	50.96%
*** Note**								
INDEX								
VNINDEX	**-0.31%**	**-1.88%**	**-3.33%**	**-5.82%**	**2.81%**	**-4.39%**	**52.44%**	**66.39%**
VN30INDEX	**-0.57%**	**-2.61%**	**-4.76%**	**-8.22%**	**-3.29%**	**-12.59%**	**37.75%**	**38.18%**

***Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link: https://invest.bsc.com.vn/#/login**
***Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.**

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

http://www.bsc.com.vn

Bloomberg: BSCV <GO>